

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 1206/CV-KSTT ngày 12 tháng 06 năm 2024 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Thủy về việc hoàn thiện nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Tân Thủy - Phân kỳ đầu tư 1;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Thủy, địa chỉ trụ sở chính tại số 33, phố Nguyễn Quốc Hiệu, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Tân Thủy - Phân kỳ đầu tư 1” với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Tân Thủy - Phân kỳ đầu tư 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Kien Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0700756666, đăng ký lần đầu ngày 11/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/12/2023. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700756666.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất vật liệu xây dựng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích của dự án khoảng: 49.176 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất:

+ Sản phẩm bột đá: 120.000 tấn/năm;

+ Sản phẩm cát nhân tạo: 500.000 tấn/năm.

+ Sản phẩm vữa khô trộn sẵn: 180.000 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Thủy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Thủy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả

nước thải, bụi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

*(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).*

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- UBND huyện Thanh Liêm;
- Công ty CPKS Tân Thủy (*để t/h*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng tải*);
- Lưu: VT, MT, HS.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Chí Thống**

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

### **1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên tại nhà điều hành sản xuất.

- Nguồn số 2: Nước thải từ hệ thống xử lý bụi và khí thải lò sấy cát.

### **2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

Toàn bộ nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho các hoạt động sản xuất, không xả thải ra nguồn tiếp nhận.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại được thu gom về bể lọc sinh học để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, k=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt sau đó bơm về bể lắng hệ thống xử lý khí thải để tái sử dụng.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy cát được lưu chứa tại bể sau đó tuần hoàn tái sử dụng, không xả ra môi trường.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt => Bể tự hoại => Bể lọc sinh học => Khử trùng => Bể chứa nước thải => Bơm về bể dung dịch nước vôi trong để tái sử dụng.

+ Công suất thiết kế: 0,5 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Clorin viên nén, khối lượng khoảng 4-5 kg/năm.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý bụi và khí thải lò sấy cát: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được lưu chứa bể chứa dung dịch nước vôi trong để tuần hoàn, tái sử dụng, không xả ra môi trường.

### **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải sinh hoạt sau hộp khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột A,  $k=1,2$ ) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> )	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	600		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> )	mg/l	6		
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6		
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> )	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 Phần B Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi đến sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần B Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số...../GPMT-STN&MT ngày tháng*  
*năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò sấy cát.
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất vữa khô.
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ dây chuyền nghiền cát nhân tạo.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

2.1. Vị trí xả khí thải (*hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>*)

- Dòng khí thải số 1: Tương ứng với ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy cát (nguồn số 1).

Tọa độ vị trí xả khí thải: X: 2268342; Y: 590488.

- Dòng khí thải số 2: Tương ứng với ống khói sau hệ thống lọc bụi DMC xưởng sản xuất vữa khô (nguồn số 2).

Tọa độ vị trí xả khí thải X: 2268365; Y: 590456.

- Dòng khí thải số 3: Tương ứng với ống khói sau hệ thống lọc bụi DMC dây chuyền nghiền cát (nguồn số 3).

Tọa độ vị trí xả khí thải X: 2268320; Y: 590480.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 1: 52.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 2: 52.000 m<sup>3</sup>/h.
- Dòng khí thải số 3: 80.856 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

Xả gián đoạn theo thời gian hoạt động sản xuất của nhà máy.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (*Cột B, K<sub>p</sub> = 0,9, K<sub>v</sub>=0,8*), cụ thể:

**- Đối với dòng khí thải số 1:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1.	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	144	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2.	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	612		
3.	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	360		
4.	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	720		

**- Đối với dòng khí thải số 2, số 3:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	144	3 tháng/lần	Không thuộc đối tượng

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom, xử lý khí thải**

- Nguồn số 1: Bụi và khí thải được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 52.000m<sup>3</sup>/giờ để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 2: Bụi và khí thải được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 52.000m<sup>3</sup>/giờ để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 3: Bụi và khí thải được thu gom về hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 80.856m<sup>3</sup>/giờ để xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

**1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải**

- *Nguồn số 1:*

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi và khí thải => ống thu gom => Cyclone lắng bụi trọng lực => ống thu gom => Lọc bụi túi vải DMC => Quạt hút => Bể chứa dung dịch nước vôi trong => Ống thoát khí thải => Môi trường không khí.

+ Công suất thiết kế: 52.000 m<sup>3</sup>/h.

+ Hóa chất sử dụng: dung dịch nước vôi Ca(OH)<sub>2</sub> (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm theo quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này).

- *Nguồn số 2, 3:*

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải => ống thu gom => Lọc bụi túi vải DMC => Quạt hút => Ống thoát khí thải => Môi trường không khí.

+ Công suất thiết kế:

Nguồn số 2: 52.000 m<sup>3</sup>/h.

Nguồn số 3: 80.856 m<sup>3</sup>/h.

+ Hóa chất sử dụng: Không.

**1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:**

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị hệ thống xử lý bụi, khí thải; dự phòng máy móc, thiết bị để thay thế khi hệ thống xử lý bụi, khí thải xuống cấp hoặc không có khả năng vận hành.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật để theo dõi quá trình vận hành của các hệ thống xử lý bụi, khí thải, đảm bảo tuân thủ đúng quy trình vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý bụi, khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, dừng hoạt động sản xuất tại bộ phận có phát sinh khí thải (được xử lý tại hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố), đồng thời tìm nguyên nhân để khắc phục kịp thời. Chỉ đưa bộ phận có phát sinh khí thải vào hoạt động sau khi đã khắc phục xong sự cố.

- Trường hợp khí thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, xác định nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1: Khí thải phát sinh từ lò sấy cát.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất vữa khô.

- Hệ thống xử lý khí thải số 3: Khí thải phát sinh từ dây chuyền nghiền cát nhân tạo.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý khí thải số 1: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy cát.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất vữa khô.

- Hệ thống xử lý khí thải số 3: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ dây chuyền nghiền cát nhân tạo.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất, vật liệu để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sản công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung tại dây chuyền nghiền bột đá.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung tại khu vực 02 dây chuyền nghiền cát.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn, độ rung tại nhà xưởng sản xuất vữa khô.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>)**

- Nguồn số 1: X: 2268137; Y: 590544.
- Nguồn số 2: X: 2268334; Y: 590461.
- Nguồn số 3: X: 2268395; Y: 590468.

**3. Tiếng ồn, độ rung** phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; trồng cây xanh.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng  
năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

<b>STT</b>	<b>Tên CTNH</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Dầu động cơ hộp số thải	170203	80
2	Giẻ lau dính dầu, mỡ	180201	120
3	Các loại dầu thủy lực thải	170106	50
4	Pin, ắc quy chì thải	190601	70
5	Dầu Diesel thải	170601	130
6	Các loại sáp và mỡ thải	170704	92
7	Vỏ phuy sắt đựng dầu thải	180102	200
8	Vỏ can nhựa dính chất thải nguy hại	180103	80
<b>Tổng</b>			<b>822</b>

**1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 450 kg/năm.

**1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

- Bùn thải tại bể chứa dung dịch nước vôi trong: 200 kg/năm.

- Palet hỏng: 200 kg/năm.

- Bao bì rách, hỏng: 150 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

- Thiết bị lưu chứa: tại các thùng phuy.

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích 30 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây bao quanh bằng gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm. Có thiết bị phòng cháy chữa cháy và có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

#### 2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác có nắp đậy dung tích 120 lít tại khu vực nhà điều hành, xưởng sản xuất.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa:

+ Diện tích 15,5 m<sup>2</sup>.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Tường xây bao quanh bằng gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng chống thấm.

#### 2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

#### **C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Tiếp tục triển khai xây dựng, lắp đặt các hạng mục, công trình sản xuất và bảo vệ môi trường các phân kỳ đầu tư tiếp theo để hoàn thành toàn bộ dự án được phê duyệt tại Quyết định số 176/QĐ-STN&MT ngày 08/8/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy chế biến vật liệu xây dựng Tân Thủy tại thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm của Công ty CP khoáng sản Tân Thủy. Sau khi hoàn thành các hạng mục sản xuất và công trình bảo vệ môi trường của toàn bộ dự án, Công ty có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

#### **D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.